对……感兴趣/有兴趣

1.我 对 音乐 很 感 兴趣。
Wǒ duì yīnyuè hěn gǎn xìngqù.

2.我 儿子 对 打篮球 不 感 兴趣。
Wǒ érzi duì dǎ lánqiú bù gǎn xìngqù.

3.我 对 艺术 有 兴趣。
Wǒ duì yìshù yǒu xìngqù.

ĐÚC KẾT CÔNG THỨC

LIVEWORKSHEETS